

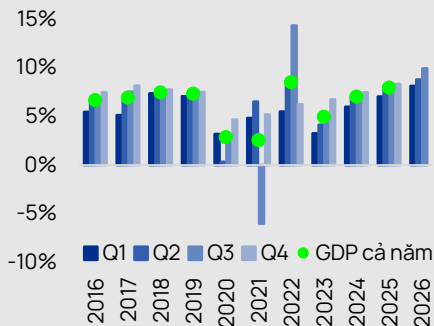
Số liệu trong tháng

	T8	T9
CPI (% YoY)	4,9	5,1
Doanh thu bán lẻ (% YoY)	14,9	14,1
IIP (% YoY)	13,5	16,7
KN xuất khẩu (tỷ USD)	54,8	59,5
KN nhập khẩu (tỷ USD)	54,9	58,2
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	2,1	3,8
Lợi suất TPCP 5 năm (%)	4,3	4,3
Doanh nghiệp đăng ký mới	12.174	11.576

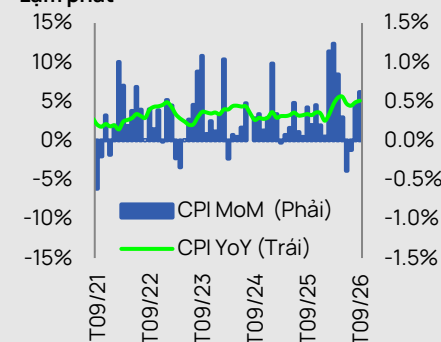
Dự báo cả năm

	2025	2026F
GDP danh nghĩa (tỷ USD)	514	590
Tăng trưởng GDP thực (% YoY)	8,0	9,6
CPI (bình quân, % YoY)	3,3	4,7
KN xuất khẩu (% YoY)	17,0	25,5
KN nhập khẩu (% YoY)	19,4	35,0
Cán cân thương mại (tỷ USD)	20,1	-18,0
Tăng trưởng tín dụng (%)	19,0	15,3
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	27,6	30,1

GDP



Lạm phát



Đào Minh Quang
Chuyên viên

Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng Cao cấp

Kinh tế tăng trưởng mạnh trong quý III

Điều chỉnh các dự báo chính năm 2026. Sau khi tăng trưởng 9 tháng đầu năm 2026 (9T 2026) vượt kỳ vọng, chúng tôi đã điều chỉnh một số dự báo vĩ mô chính trong năm 2026 như sau:

- **Chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 từ 8,5% lên 9,6%.** Tăng trưởng quý 3 và 9T 2026 cao hơn kỳ vọng tạo nền tảng vững chắc cho cả năm, trong đó khu vực công nghiệp, xây dựng và đầu tư được kỳ vọng sẽ tiếp tục là các động lực tăng trưởng chính. Tuy nhiên, mục tiêu tăng trưởng hai con số của Chính phủ vẫn đầy thách thức, đòi hỏi tăng trưởng quý 4 đạt khoảng 12,3%.
- **Chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu năm 2026 lần lượt lên 25,5% và 35,0% so với cùng kỳ (YoY), từ mức 17,0% và 22,0% trong dự báo trước.** Điều này đồng nghĩa với mức thâm hụt thương mại 18,0 tỷ USD, so với dự báo trước đây của chúng tôi về cán cân thương mại nhìn chung cân bằng. Nhu cầu mạnh đối với nguyên liệu đầu vào sản xuất và giá dầu ở mức cao nhiều khả năng sẽ khiến tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu tiếp tục vượt xuất khẩu.
- **Chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo CPI bình quân năm 2026 lên 4,7% do giá dầu tăng gần đây.** Chúng tôi đã nâng dự báo giá dầu thô Brent năm 2026 lên 90 USD/thùng. Tuy nhiên, lạm phát được kiểm soát tương đối tốt đến hết tháng 9 cùng các biện pháp giảm thiểu tác động từ đà tăng giá nhiên liệu trong nước nhiều khả năng sẽ giúp hạn chế đà tăng của lạm phát.
- **Chúng tôi điều chỉnh dự báo tỷ giá USD/VND cuối năm 2026 không đổi so với cuối năm 2025, từ mức dự báo tăng 2% trước đây.** Khả năng Fed tăng lãi suất và thâm hụt thương mại có thể tạo áp lực mất giá trở lại lên VND trong quý 4, tuy nhiên một phần được bù đắp bởi dòng vốn FDI và kiều hối vững chắc, cùng với việc áp lực trên thị trường ngoại tệ tự do và thị trường vàng trong nước giảm.

Kết quả kinh tế chính tháng 9 và 9T 2026

- **Tăng trưởng GDP quý 3 và 9T 2026 đạt mức cao thứ hai kể từ năm 2011.** GDP quý 3 tăng 9,95% YoY, đưa tăng trưởng 9T 2026 lên 9,01% YoY. Khu vực Công nghiệp & Xây dựng tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, với mức tăng lần lượt 12,5% YoY trong quý 3 và 11,2% YoY trong 9T 2026.
- **Doanh thu bán lẻ duy trì đà tăng ổn định.** Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 13,4% YoY trong 9T 2026 (9T 2025: +9,8% YoY), trong khi doanh thu bán lẻ thực tế tăng 7,8% YoY (9T 2025: +7,2% YoY).
- **Giải ngân vốn đầu tư công trong tháng 9 đạt 5,5 tỷ USD, mức cao thứ 2 theo tháng kể từ đầu năm.** Giải ngân 9T 2026 đạt 25,3 tỷ USD, tăng 49,3% YoY và hoàn thành 58,7% kế hoạch năm, so với mức trung bình 45,6% trong 9 tháng đầu các năm giai đoạn 2018–2025.
- **Vốn FDI đăng ký trong tháng 9 tăng mạnh gấp 4,1 lần YoY lên 9,7 tỷ USD, mức cao thứ hai theo tháng trong hơn 8 năm qua, đưa tổng vốn FDI đăng ký 9T 2026 lên 50,4 tỷ USD (+76,4% YoY).** Vốn FDI giải ngân tăng 12,1% YoY lên 21,1 tỷ USD trong 9T 2026.
- **Tháng 9 ghi nhận thặng dư thương mại đầu tiên trong 10 tháng.** Cán cân thương mại quay lại thặng dư 1,3 tỷ USD trong tháng 9. Trong 9T 2026, kim ngạch xuất khẩu tăng 24,5% YoY, đạt 434,3 tỷ USD, trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng 36,7% YoY, đạt 453,7 tỷ USD, dẫn đến thâm hụt thương mại lũy kế 19,4 tỷ USD.
- **CPI tháng 9 tăng 0,62% so với tháng 8 và 5,08% so với cùng kỳ, đưa lạm phát bình quân 9T 2026 lên 4,52% YoY.** So với tháng 8, giá nhóm giao thông tăng 3,97%, trong khi giá nhóm giáo dục tăng 1,41%.
- **Tỷ giá USD/VND giảm trong tháng thứ ba liên tiếp.** Tỷ giá USD/VND đóng cửa tháng 9 tại 25.964 – giảm 0,4% so với tháng 8 và giảm 1,3% so với đầu năm.

GDP

Tăng trưởng GDP quý 3 và 9T 2026 đạt mức cao thứ hai kể từ năm 2011

Theo Cục Thống kê, GDP của Việt Nam tăng 9,95% YoY trong quý 3/2026 (quý 3/2025: +8,13% YoY) – mức tăng trưởng quý 3 cao thứ hai (chỉ sau mức 14,38% của quý 3/2022) kể từ khi chúng tôi thống kê số liệu từ năm 2011. Theo đó, tăng trưởng GDP 9T 2026 đạt 9,01% YoY (9T 2025: +7,80% YoY) – cũng là mức cao thứ hai trong 9 tháng đầu năm (chỉ sau mức 9,44% của 9T 2022) kể từ năm 2011. Kết quả này đặc biệt tích cực và cao hơn kỳ vọng của chúng tôi, được hỗ trợ bởi tăng trưởng vững chắc ở các khu vực kinh tế chính cùng hoạt động đầu tư tích cực, đặc biệt là đầu tư công.

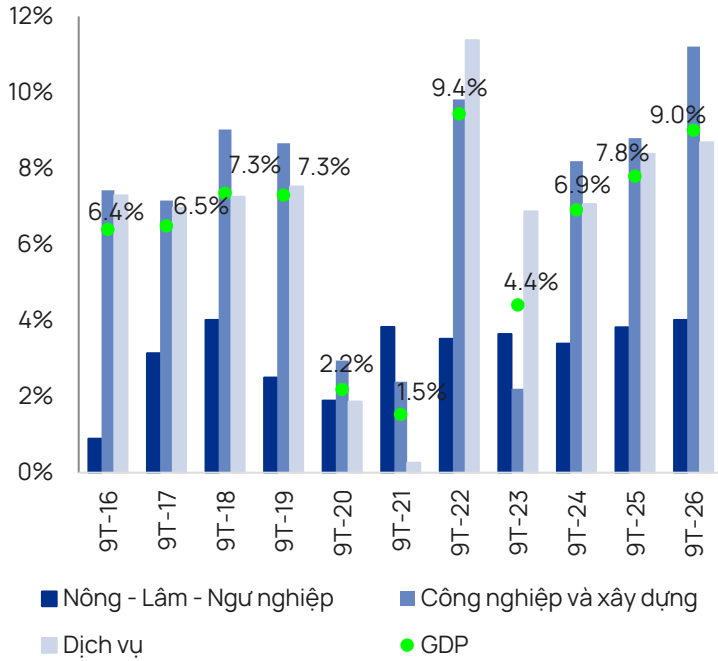
Kết quả của ba khu vực kinh tế chính trong quý 3 và 9T 2026 như sau:

- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong ba khu vực, đạt 12,5% YoY trong quý 3 (quý 3/2025: +9,5% YoY), đưa tăng trưởng 9T 2026 lên 11,2% YoY (9T 2025: +8,8%) – mức cao nhất trong 9 tháng đầu năm của khu vực này kể từ năm 2011. Đây cũng là khu vực đóng góp lớn nhất trong 9T 2026, đóng góp 49,6% vào tăng trưởng GDP chung. Tăng trưởng mạnh của khu vực này chủ yếu nhờ ngành sản xuất, chế biến & chế tạo, tăng 12,3% YoY trong quý 3 (quý 3/2025: +9,6%) và 11,4% trong 9T 2026 (9T 2025: +9,7%), cùng ngành xây dựng, tăng 14,2% YoY trong quý 3 (quý 3/2025: +9,3%) và 12,2% trong 9T 2026 (9T 2025: +9,8%).
- Trong khi đó, khu vực Dịch vụ xếp thứ hai, tăng 9,5% YoY trong quý 3 (quý 3/2025: +8,5% YoY) và 8,7% YoY trong 9T 2026 (9T 2025: +8,4% YoY), đóng góp 45,0%. Trong khu vực Dịch vụ, các phân ngành ghi nhận tăng trưởng mạnh trong 9T 2026 bao gồm vận tải kho bãi (+11,0% YoY), hoạt động văn hóa và thể thao (+10,2% YoY), bán buôn và bán lẻ (+9,9% YoY) và hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (+9,7% YoY).
- Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản duy trì ổn định, tăng 4,2% YoY trong quý 3/2026 (quý 3/2025: +3,7% YoY) và 4,0% YoY trong 9T 2026 (9T 2025: +3,8% YoY).

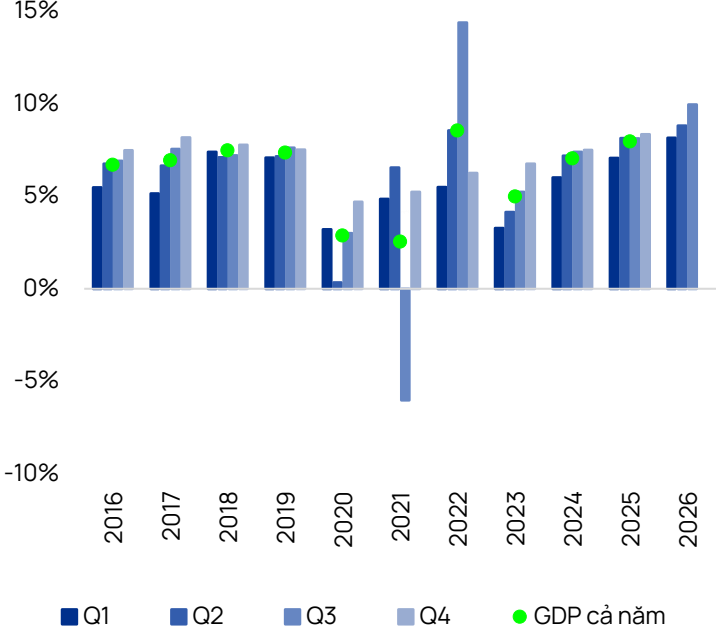
Triển vọng: Chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 từ 8,5% lên 9,6%.

Kết quả tích cực trong 9T 2026 tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng cả năm. Do đó, chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 từ 8,5% lên 9,6%, phản ánh tăng trưởng quý 3 và 9T 2026 cao hơn kỳ vọng. Trong thời gian tới, ở phía sản xuất, khu vực Công nghiệp và Xây dựng nhiều khả năng sẽ tiếp tục là các động lực tăng trưởng chính, được hỗ trợ bởi hoạt động xuất khẩu vẫn tích cực và sự phát triển liên tục của cơ sở hạ tầng. Ở phía chi tiêu, đầu tư có thể sẽ duy trì đặc biệt mạnh, được dẫn dắt bởi đầu tư công tăng tốc, trong khi đầu tư tư nhân sẽ hưởng lợi từ các chính sách hỗ trợ và giải ngân FDI sẽ duy trì tích cực nhờ lượng lớn vốn đăng ký. Tiêu dùng hộ gia đình cũng sẽ duy trì ổn định, trong khi xuất khẩu ròng cần được theo dõi chặt chẽ. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu tăng trưởng hai chữ số của Chính phủ, tăng trưởng quý 4 vẫn cần đạt khoảng 12,3%, mức mà chúng tôi cho rằng sẽ là khá thách thức.

Hình 1: Tăng trưởng GDP theo khu vực



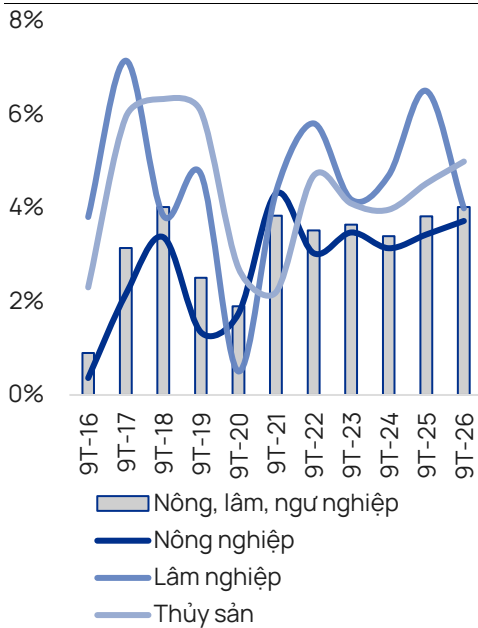
Hình 2: Tăng trưởng GDP theo quý



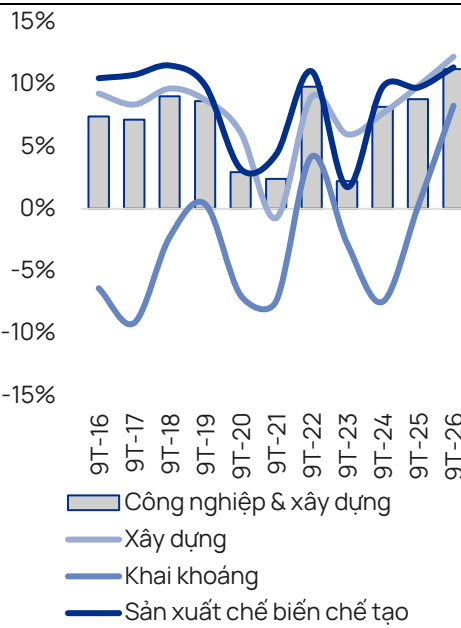
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

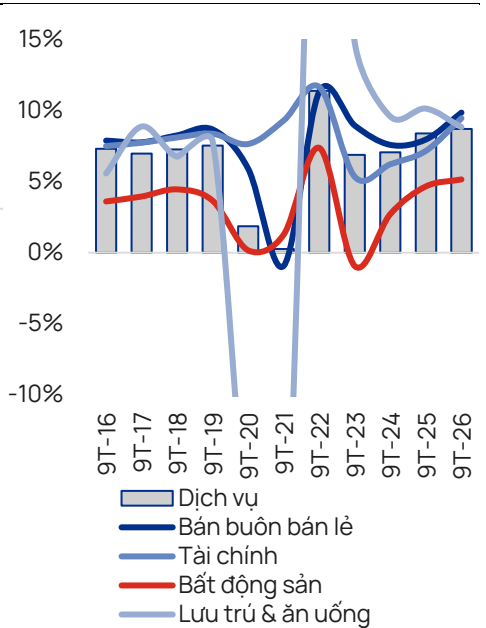
Hình 3: Tăng trưởng GDP khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản



Hình 4: Tăng trưởng GDP khu vực Công nghiệp và Xây dựng

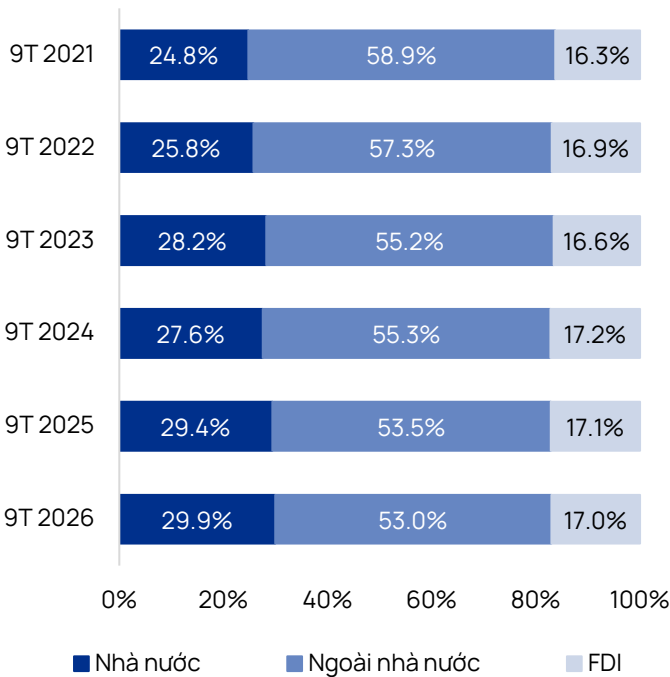


Hình 5: Tăng trưởng GDP khu vực Dịch vụ



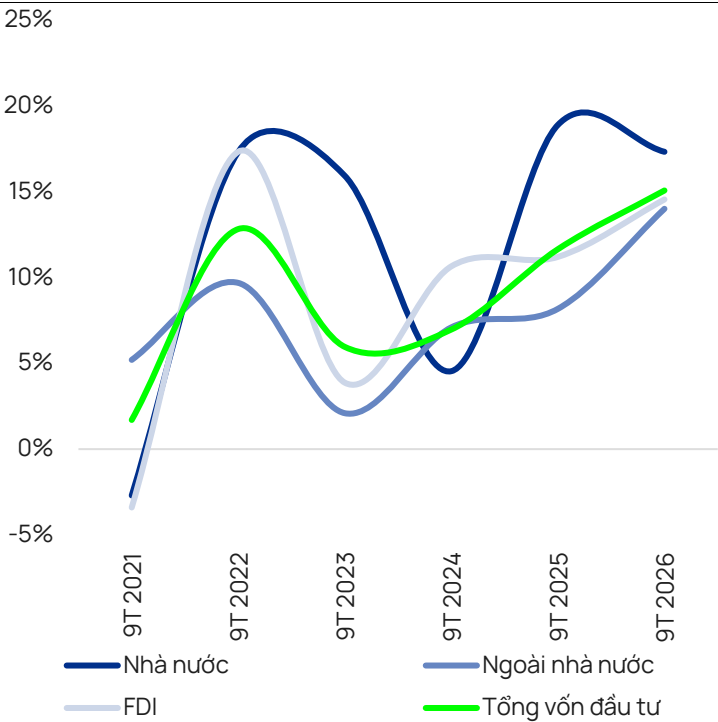
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 6: Cơ cấu tổng vốn đầu tư trong 9T 2026



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 7: Tăng trưởng tổng vốn đầu tư trong 9T 2026



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Ghi chú: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 15,1% YoY trong 9T 2026 (9T 2025: +11,6%), đạt 3.109,6 nghìn tỷ đồng, với mức tăng trưởng trên diện rộng ở cả khu vực Nhà nước (+17,3% YoY), khu vực tư nhân (+14,0%) và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (+14,5%).

Sản xuất Công nghiệp

Hoạt động sản xuất trong nước tiếp tục tăng mạnh trong tháng 9

Trong tháng 9, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành tiếp tục đà tăng trưởng hai chữ số, tăng mạnh 16,7% YoY (tháng 9/2025: +12,7% YoY) – mức tăng cao thứ hai kể từ đầu năm và cao hơn đáng kể so với mức tăng bình quân hàng tháng 11,0% trong 8T 2026. Theo đó, tăng trưởng IIP toàn ngành trong 9T 2026 đạt 12,3% YoY (9T 2025: +9,1% YoY) – mức tăng cao nhất trong 9 tháng đầu năm kể từ năm 2019. Kết quả tích cực này chủ yếu đến từ ngành sản xuất, chế biến & chế tạo, tăng mạnh 17,1% YoY trong tháng 9 (tháng 9/2025: +12,7% YoY) và 12,9% YoY trong 9T 2026 (9T 2025: +10,3% YoY).

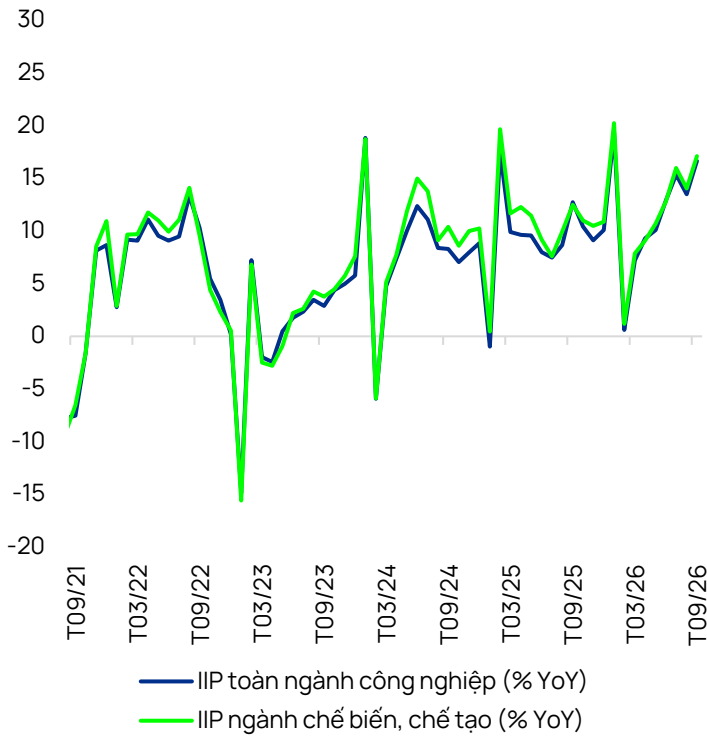
Trong 9T 2026, tất cả các phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo đều ghi nhận tăng trưởng, với khoảng hai phần ba đạt mức tăng hai chữ số. Các phân ngành dẫn đầu bao gồm: sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị (+29,1% YoY); kim loại cơ bản (+25,5% YoY); đồ uống (+17,4% YoY); xe có động cơ (+15,3% YoY); và sản phẩm điện tử & máy vi tính (+15,2% YoY).

Hình 7: Tăng trưởng IIP theo ngành trong tháng 9/2026

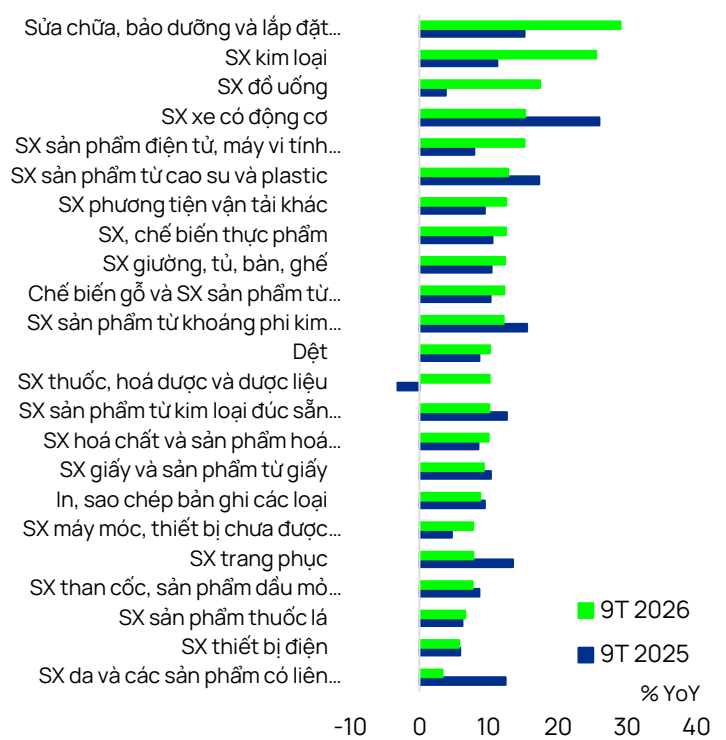
	MoM	YoY	9T 2026 so với 9T 2025
Toàn ngành	3,3%	16,7%	12,3%
Khai khoáng	1,7%	13,4%	8,0%
SX chế biến chế tạo	4,3%	17,1%	12,9%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 8: IIP theo tháng



Hình 9: IIP của các phân ngành chế biến chế tạo



Nguồn: Cục Thống kê, Cục Hải quan, Vietcap

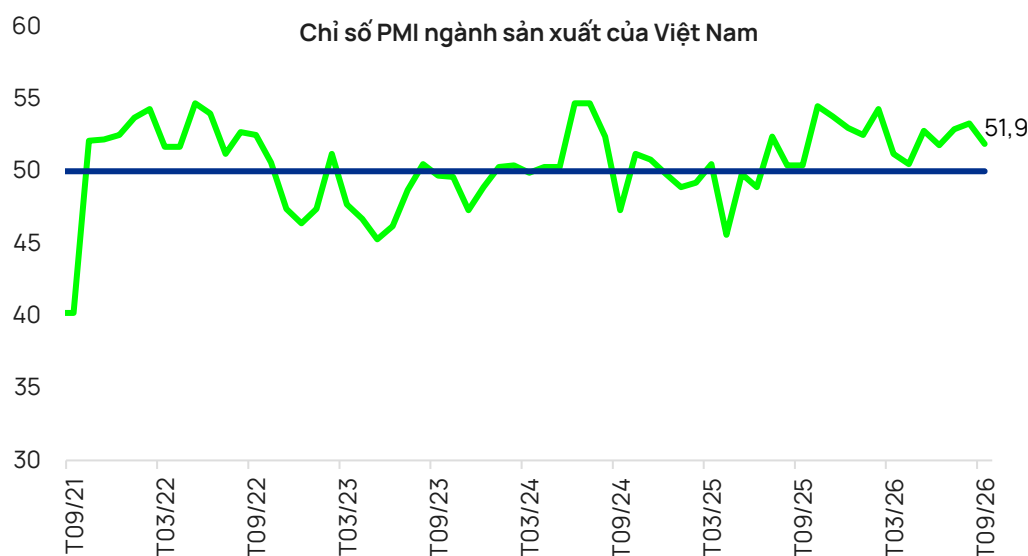
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Ngành sản xuất Việt Nam tiếp tục mở rộng trong tháng 9

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global giảm xuống 51,9 trong tháng 9 từ mức 53,3 trong tháng 8, cho thấy điều kiện sản xuất tiếp tục cải thiện dù với tốc độ chậm hơn vào cuối quý 3/2026.

Sản lượng sản xuất tiếp tục tăng đáng kể trong tháng 9. Mặc dù tốc độ tăng chậm lại so với tháng 8, sản lượng đã tăng tháng thứ 17 liên tiếp. Số lượng đơn hàng mới tiếp tục tăng đã hỗ trợ sản lượng, chủ yếu nhờ nhu cầu trong nước tăng mạnh hơn, trong khi nhu cầu bên ngoài vẫn yếu, với số lượng đơn hàng xuất khẩu mới giảm tháng thứ hai liên tiếp. Sản lượng tăng cũng thúc đẩy hoạt động mua hàng tăng rõ rệt, trong khi niềm tin kinh doanh cải thiện lên mức cao nhất kể từ tháng 2 nhờ kỳ vọng điều kiện thị trường khởi sắc hơn.

Hình 10: Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI)



Nguồn: S&P Global, Vietcap

Triển vọng: Dữ liệu PMI mới nhất cho thấy số lượng đơn hàng mới tiếp tục tăng, đặc biệt từ thị trường trong nước, sẽ hỗ trợ hoạt động sản xuất trong những tháng tới. Theo khảo sát xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo do Cục Thống kê thực hiện, niềm tin kinh doanh tiếp tục cải thiện, với 83,9% doanh nghiệp kỳ vọng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ tốt lên hoặc giữ ổn định trong quý 4 (so với 79,9% trong quý 3), trong khi tỷ lệ doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn giảm xuống 16,1% (so với 20,1% trong quý 3).

Hình 11: PMI của Việt Nam so với các nước ASEAN khác

	T10- 25	T11- 25	T12- 25	T1- 26	T2- 26	T3- 26	T4- 26	T5- 26	T6- 26	T7- 26	T8- 26	T9- 26
Việt Nam	54,5	53,8	53,0	52,5	54,3	51,2	50,5	52,8	51,8	52,9	53,3	51,9
Philippines	50,1	47,4	50,2	52,9	54,6	51,3	48,3	50,8	50,9	51,8	54,9	49,6
Myanmar	51,5	51,4	50,6	50,9	51,5	51,5	50,9	49,3	47,4	49,3	50,3	49,1
Thái Lan	56,6	56,8	57,4	52,7	53,5	54,1	52,7	52,6	53,6	54,2	53,8	54,3
Indonesia	51,2	53,3	51,2	52,6	53,8	50,1	49,1	50,0	46,9	50,2	49,8	52,4
Malaysia	49,5	50,1	50,1	50,2	49,3	50,7	51,6	49,9	50,7	50,7	50,2	49,9
ASEAN	52,7	53,0	52,7	52,8	53,8	51,8	50,7	51,5	50,5	52,8	52,3	52,1

Nguồn: S&P Global, Vietcap tổng hợp

Tiêu dùng

Doanh thu bán lẻ duy trì tích cực trong tháng 9 và 9T 2026

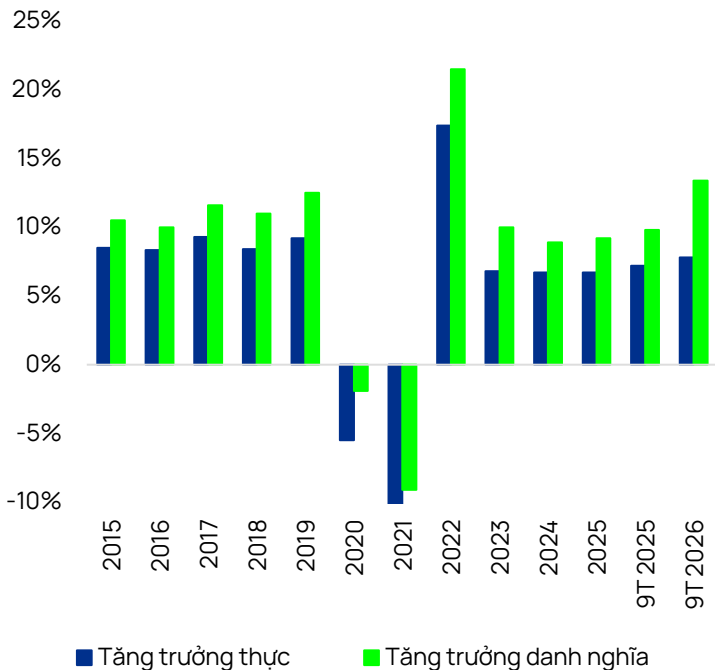
Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng duy trì tăng trưởng mạnh, tăng 14,1% YoY trong tháng 9 (tháng 9/2025: +11,7% YoY), đưa tăng trưởng tổng doanh thu bán lẻ trong 9T 2026 lên 13,4% theo giá trị danh nghĩa, cao hơn mức 9,8% YoY của 9T 2025. Tuy nhiên, yếu tố giá vẫn là động lực chính của mức tăng trưởng danh nghĩa nhanh hơn, khi doanh thu bán lẻ thực chỉ tăng nhanh hơn ở mức khiêm tốn, đạt 7,8% YoY so với 7,2% YoY trong 9T 2025.

Tiêu dùng trong nước tiếp tục được hỗ trợ mạnh bởi du lịch quốc tế trong 9T 2026, với doanh thu dịch vụ lưu trú & ăn uống tăng 16,7% YoY và dịch vụ du lịch lữ hành tăng 17,9% YoY. Lượng khách quốc tế đạt 1,8 triệu lượt trong tháng 9 (+16,1% YoY), đưa tổng lượng khách 9T 2026 lên 17,7 triệu lượt (+14,5% YoY), tương đương 71% mục tiêu cả năm.

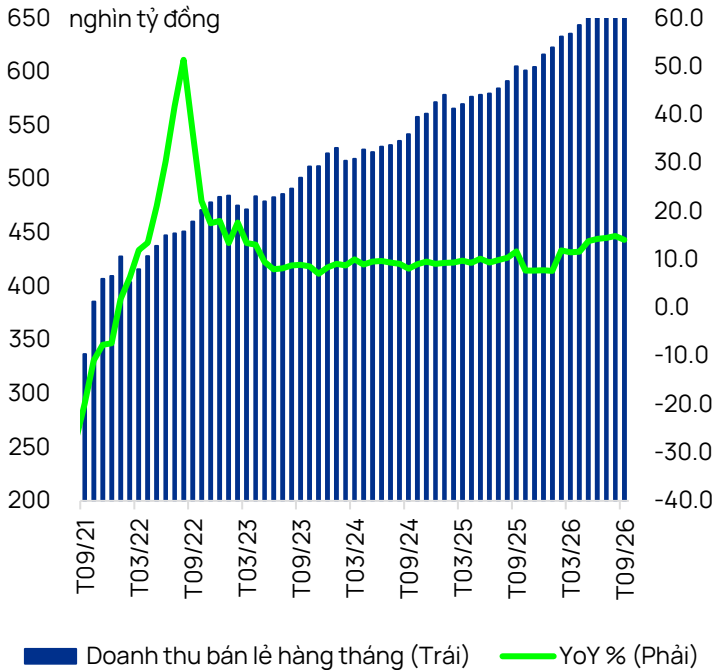
Trong khi đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa (chiếm 75,3% tổng doanh thu bán lẻ) tiếp tục tăng trưởng ổn định ở mức 12,8% YoY, với các nhóm ghi nhận tăng trưởng mạnh gồm: nhiên liệu khác ngoài xăng dầu (+29,2% YoY), đá quý, kim loại quý & sản phẩm (+22,0% YoY), gỗ & vật liệu xây dựng (+17,2% YoY) và xăng dầu (+14,9% YoY).

Triển vọng: Chúng tôi kỳ vọng tổng doanh thu bán lẻ sẽ duy trì tích cực trong quý 4/2026, được hỗ trợ bởi: (1) nhu cầu tăng cao vào dịp lễ cuối năm; (2) nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật được tổ chức vào cuối năm nhằm kích cầu tiêu dùng và du lịch (ví dụ, concert Big Bang World Tour tại Hà Nội và các sự kiện kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô); và (3) lượng khách quốc tế tiếp tục tăng mạnh.

Hình 12: Doanh thu bán lẻ, YoY



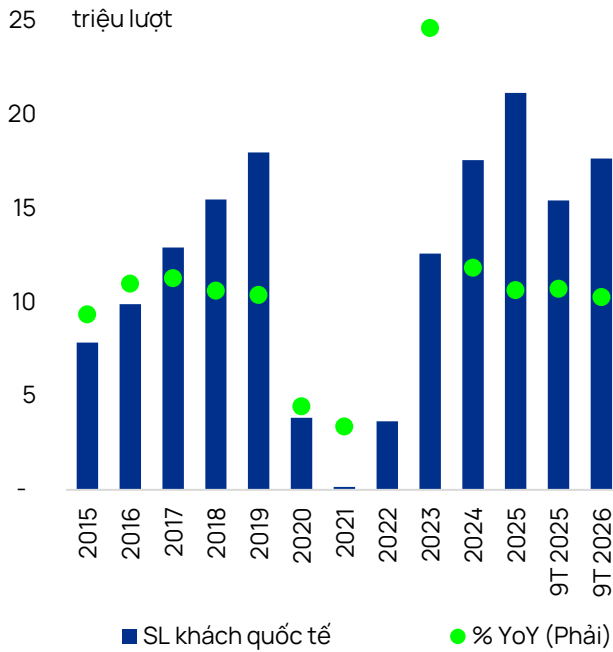
Hình 13: Doanh thu bán lẻ theo tháng



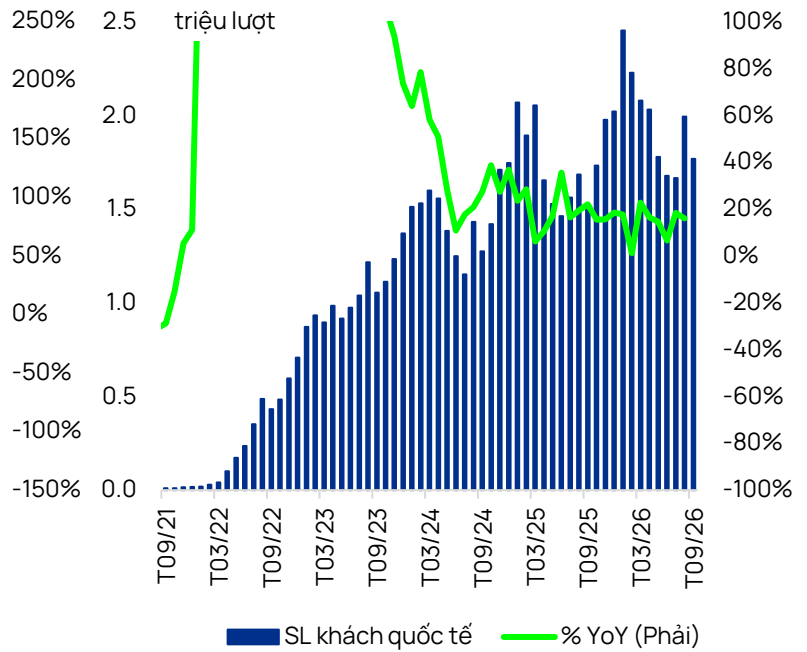
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 14: Lượng khách quốc tế



Hình 15: Lượng khách quốc tế theo tháng



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Ngân sách Nhà nước

Đầu tư công tiếp tục tăng tốc nhằm hỗ trợ tăng trưởng

Theo Bộ Tài chính, thu ngân sách Nhà nước (NSNN) tăng 12,1% YoY, đạt 2.187,3 nghìn tỷ đồng trong 9T 2026, hoàn thành 86,5% kế hoạch cả năm. Trong đó, thu nội địa tăng 12,2% YoY, đạt 1.880,3 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, thu từ dầu thô tăng mạnh 33,8% YoY, đạt 50,0 nghìn tỷ đồng, trong khi thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng 7,1% YoY, đạt 253,5 nghìn tỷ đồng.

Về phía chi ngân sách, chi NSNN tiếp tục tăng tốc, tăng 14,5% YoY, đạt 1.873,7 nghìn tỷ đồng trong 9T 2026, hoàn thành 59,3% kế hoạch cả năm. Trong đó, chi thường xuyên tăng nhẹ 1,5% YoY, đạt 1.130,0 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 62,5% kế hoạch cả năm. Đáng chú ý, sau khi tăng tốc trong tháng 8, giải ngân đầu tư công tiếp tục tăng, với giá trị giải ngân trong tháng 9 đạt 142,9 nghìn tỷ đồng – mức cao thứ hai kể từ đầu năm (chỉ sau mức 150,9 nghìn tỷ đồng của tháng 6) – và cao hơn đáng kể so với mức bình quân 64,3 nghìn tỷ đồng/tháng. Theo đó, tổng giá trị giải ngân đầu tư công 9T 2026 đạt 657,5 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 49,3% YoY và hoàn thành 58,7% kế hoạch năm (cao hơn đáng kể so với mức bình quân 45,6% của 9T các năm 2018–2025).

Theo đó, NSNN ghi nhận thặng dư 313,6 nghìn tỷ đồng trong 9T 2026. Đáng chú ý, thặng dư ngân sách lũy kế giảm tháng thứ hai liên tiếp và thấp hơn đáng kể so với mức thặng dư 415,5 nghìn tỷ đồng trong 8T 2026.

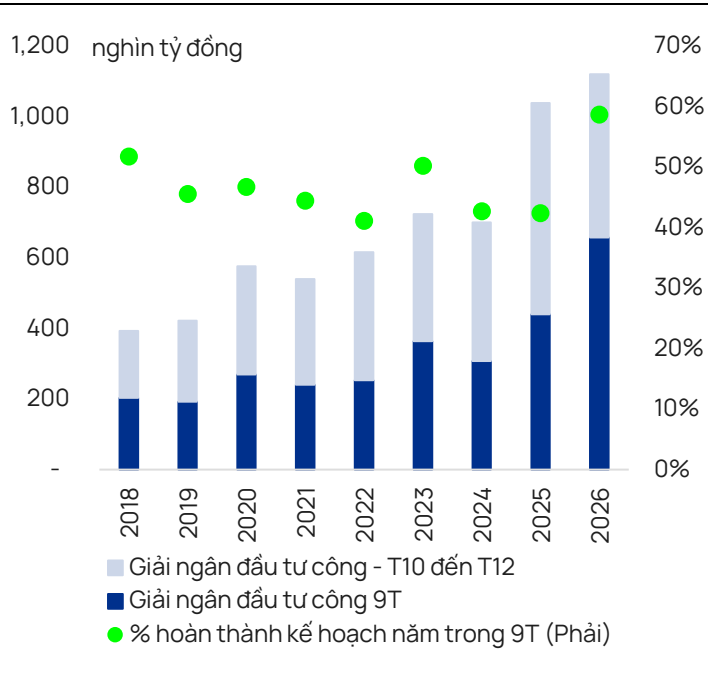
Triển vọng: Bắt đầu từ kỳ báo cáo tháng 10/2026, Chính phủ sẽ chính thức áp dụng cơ chế chấm điểm KPI đối với giải ngân đầu tư công tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (Quyết định 1129/QĐ-TTg). Cơ chế này sẽ là cơ sở để đánh giá tiến độ giải ngân, qua đó kịp thời đưa ra các biện pháp đẩy nhanh giải ngân. Chúng tôi kỳ vọng Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy mạnh giải ngân trong các tháng còn lại của năm 2026 nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng hai chữ số.

Hình 16: Cơ cấu ngân sách Nhà nước

Đơn vị: nghìn tỷ đồng	9T-26	% kế hoạch năm	% YoY
Thu ngân sách	2.187,3	86,5%	12,1%
Thu nội địa	1.880,3	85,5%	12,2%
Thu từ dầu thô	50,0	116,4%	33,8%
Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	253,5	91,2%	7,1%
Khác	3,5		
Chi ngân sách	1.873,7	59,3%	14,5%
Chi thường xuyên	1.130,0	62,5%	1,5%
Chi đầu tư phát triển	657,5	58,7%	49,3%
Chi trả lãi	83,5	68,9%	7,8%
Khác	2,7		
Cân đối ngân sách	313,6		

Nguồn: Bộ Tài chính, Cục Thống kê, Vietcap tổng hợp

Hình 17: Giải ngân đầu tư công theo năm



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

FDI

Vốn FDI đăng ký trong tháng đạt mức cao thứ hai trong hơn 8 năm

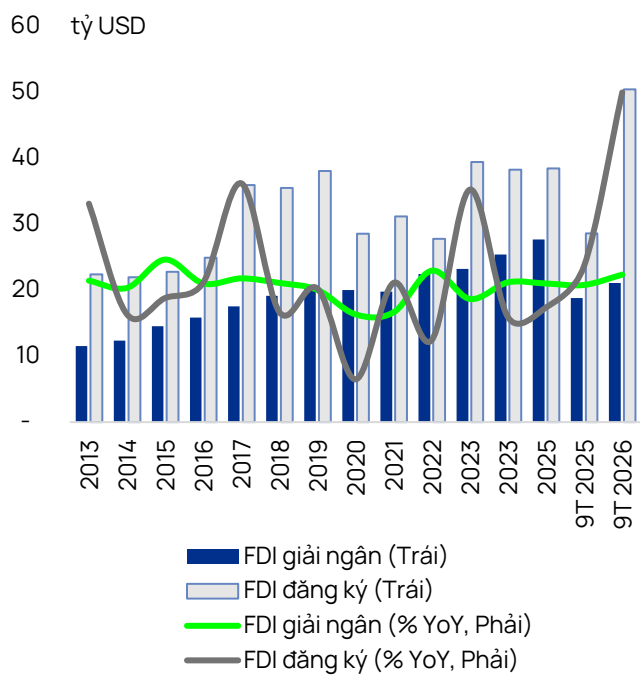
Trong tháng 9, vốn FDI đăng ký tăng mạnh gấp 4,1 lần YoY, đạt 9,7 tỷ USD, mức cao thứ hai trong hơn tám năm (chỉ thấp hơn mức 9,8 tỷ USD của tháng 6/2026), được hỗ trợ bởi một dự án đăng ký trị giá gần 5,0 tỷ USD từ Luxembourg. Trong 9T 2026, tổng vốn FDI đăng ký tăng mạnh 76,4%, đạt 50,4 tỷ USD – mức cao kỷ lục mới. Trong khi đó, vốn FDI giải ngân duy trì tích cực, tăng 12,4% YoY, đạt 3,8 tỷ USD trong tháng 9 – mức cao nhất kể từ đầu năm – đưa tổng vốn FDI giải ngân trong 9T 2026 lên 21,1 tỷ USD (+12,1% YoY).

Trong tổng vốn FDI đăng ký trong 9T 2026, ngành sản xuất, chế biến & chế tạo (22,8 tỷ USD) tiếp tục dẫn đầu, chiếm 45,3% tổng vốn FDI đăng ký. Ngành bất động sản xếp thứ hai với 7,4 tỷ USD (chiếm 14,7%).

Về đối tác đầu tư theo quốc gia/vùng lãnh thổ, Singapore tiếp tục dẫn đầu (12,9 tỷ USD; chiếm 25,5%), tiếp theo là Hàn Quốc (9,7 tỷ USD; chiếm 19,4%), Hồng Kông (5,4 tỷ USD; 10,7%) và Luxembourg (5,0 tỷ USD; 9,9%).

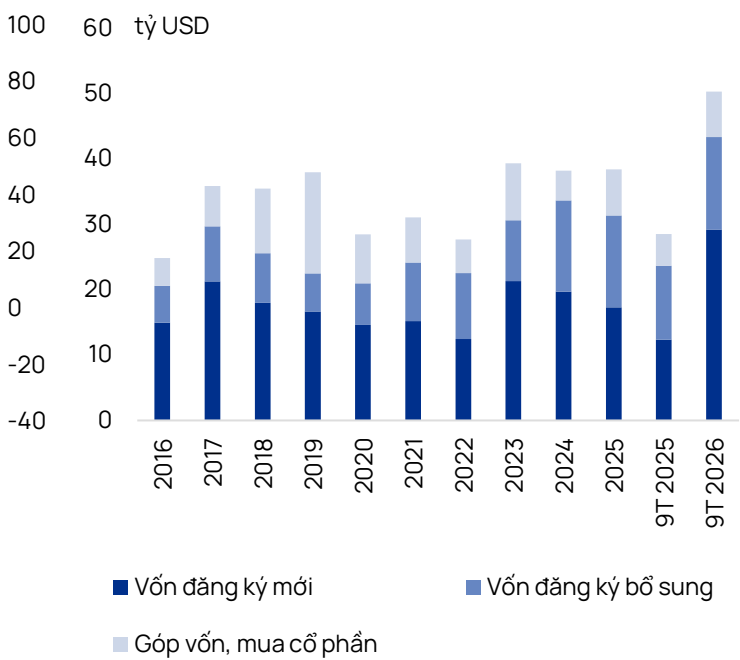
Triển vọng: Vốn FDI đăng ký đạt 50,4 tỷ USD trong 9T 2026, vượt cận trên của mức định hướng khoảng 40-50 tỷ USD/năm theo Nghị quyết 10-NQ/TW giai đoạn 2026-2030 và vượt tổng vốn đăng ký của cả năm 2025, cho thấy Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu dịch chuyển. Ngoài ra, chúng tôi kỳ vọng vốn FDI giải ngân sẽ tiếp tục tăng trưởng khi lượng lớn vốn đăng ký trong những tháng gần đây dần được triển khai.

Hình 18: Vốn FDI giải ngân và đăng ký, tăng trưởng



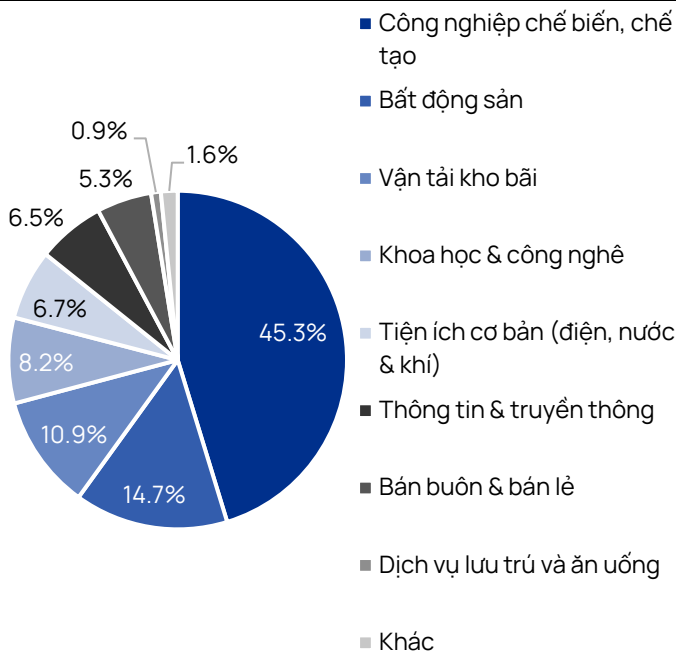
Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 19: Vốn FDI đăng ký theo hình thức



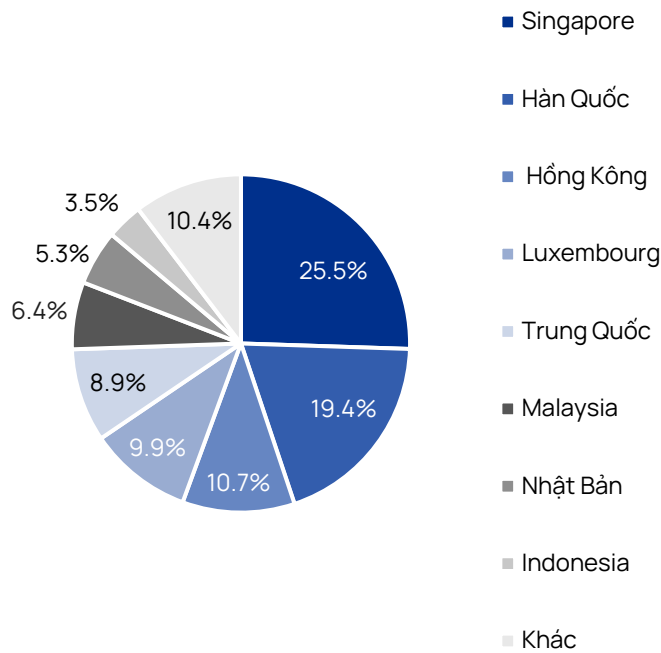
Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 20: FDI đăng ký theo ngành trong 9T 2026



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 21: FDI đăng ký theo quốc gia/vùng lãnh thổ trong 9T 2026



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

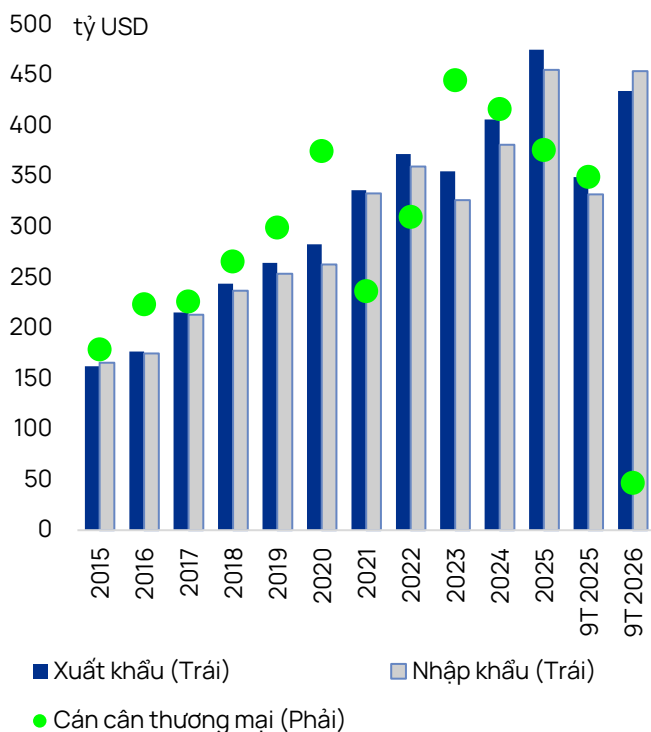
Hoạt động thương mại

Thặng dư thương mại trở lại lần đầu tiên sau 10 tháng

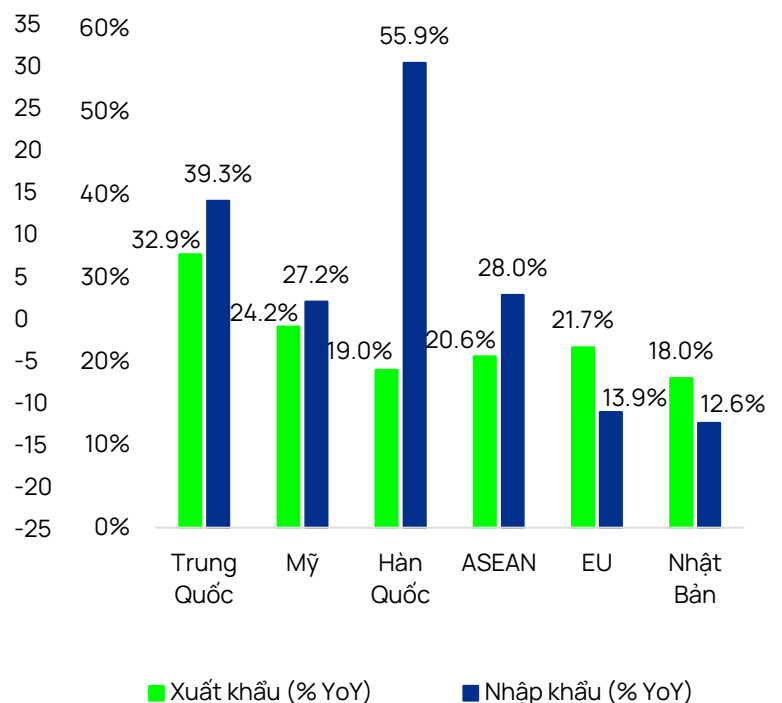
Theo dữ liệu từ Cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tháng 9 đều lập mức kỷ lục mới, với xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt tăng mạnh 39,1% YoY và 45,8% YoY, đạt 59,5 tỷ USD và 58,2 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại 1,3 tỷ USD – mức thặng dư hàng tháng đầu tiên kể từ tháng 11/2025. Trong 9T 2026, xuất khẩu và nhập khẩu duy trì tăng trưởng mạnh, lần lượt đạt 434,3 tỷ USD (+24,5% YoY) và 453,7 tỷ USD (+36,7% YoY), dẫn đến thâm hụt thương mại lũy kế 19,4 tỷ USD.

Nhập khẩu tăng mạnh phản ánh nhu cầu đầu vào sản xuất tăng, hoạt động nhập khẩu sớm linh kiện điện tử trước kỳ vọng giá tăng, cùng giá trị nhập khẩu xăng dầu tăng do giá dầu ở mức cao và căng thẳng địa chính trị. Theo đó, thâm hụt thương mại mở rộng chủ yếu do nhóm máy tính & linh kiện điện tử (thâm hụt 65,3 tỷ USD trong 9T 2026, gấp 2,0 lần YoY) và sản phẩm xăng dầu (8,3 tỷ USD, gấp 1,8 lần YoY). Do đó, mức thâm hụt mở rộng chủ yếu phản ánh nhu cầu mạnh đối với đầu vào sản xuất thay vì xuất khẩu suy giảm, mặc dù số lượng đơn hàng xuất khẩu mới giảm cho thấy nhu cầu bên ngoài có thể suy yếu trong thời gian tới.

Hình 22: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại



Hình 23: Các thị trường XNK chính trong 9T 2026



Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

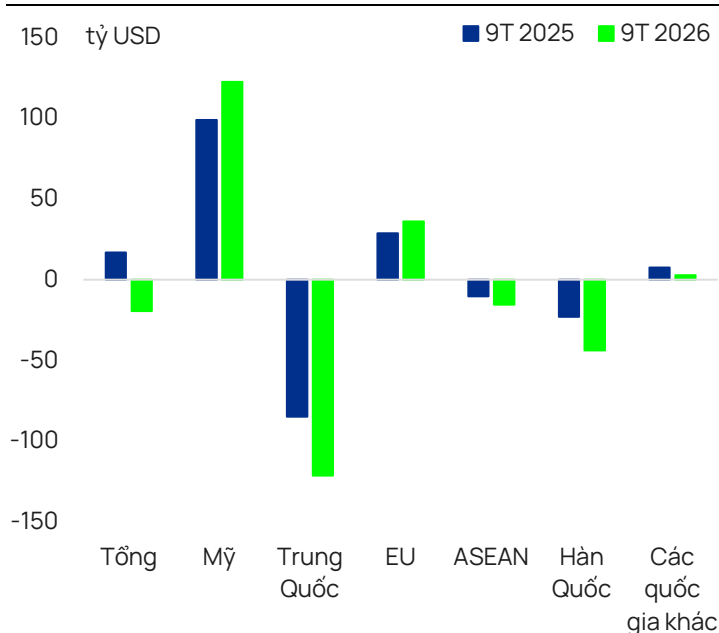
Xét theo cơ cấu trong 9T 2026, ba nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất ghi nhận tăng trưởng mạnh: máy tính & linh kiện điện tử (123,7 tỷ USD; +59,6% YoY, chiếm 28,5% tổng kim ngạch xuất khẩu), máy móc thiết bị (55,0 tỷ USD; +27,9% YoY, chiếm 12,7%) và điện thoại & linh kiện (51,8 tỷ USD; +18,8% YoY, chiếm 11,9%). Ở chiều nhập khẩu, ba nhóm hàng lớn nhất là máy tính & linh kiện điện tử (188,9 tỷ USD; +71,7% YoY), máy móc thiết bị (53,9 tỷ USD; +21,9% YoY) và vải (11,6 tỷ USD; +3,3% YoY).

Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với xuất khẩu sang Mỹ tăng 31,2% YoY trong tháng 9 (sau khi tăng +32,6% YoY trong tháng 1, +9,7% YoY trong tháng 2, +28,4% YoY trong tháng 3, +25,6% YoY trong tháng 4, +12,9% YoY trong tháng 5, +23,1% YoY trong tháng 6, +29,4%

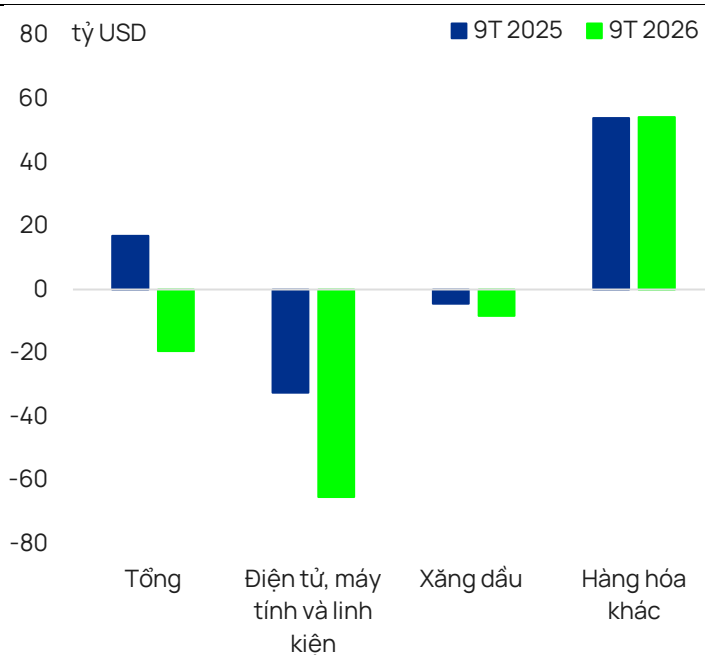
trong tháng 7 và +24,7% trong tháng 8), đưa tổng kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ trong 9T 2026 lên 140,0 tỷ USD (+24,2% YoY). Trung Quốc xếp thứ hai (65,9 tỷ USD; +32,9% YoY) trong khi EU xếp thứ ba (50,8 tỷ USD; +21,7% YoY). Trong khi đó, nhập khẩu từ Trung Quốc – thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam – tăng mạnh 39,3% YoY, đạt 187,3 tỷ USD, còn nhập khẩu từ Hàn Quốc – đối tác nhập khẩu lớn thứ hai – cũng tăng mạnh 55,9% YoY, đạt 69,3 tỷ USD.

Triển vọng: Với mức tăng trưởng mạnh trong 9T 2026, chúng tôi đã nâng dự báo tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu năm 2026 lần lượt lên 25,5% YoY và 35,0% YoY, từ mức 17,0% YoY và 22,0% YoY. Theo đó, chúng tôi dự báo cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 18,0 tỷ USD, so với dự báo trước đây là gần như cân bằng. Chúng tôi kỳ vọng đà tăng trưởng xuất khẩu sẽ tiếp tục trong quý 4, được hỗ trợ bởi xu hướng tích cực trong những tháng gần đây. Tuy nhiên, nhập khẩu vẫn có thể tăng nhanh hơn xuất khẩu do nhu cầu đối với đầu vào sản xuất, linh kiện điện tử và chip nhớ, cùng với giá dầu thế giới ở mức cao. Ngoài ra, theo báo cáo PMI mới nhất, số lượng đơn hàng xuất khẩu mới giảm tháng thứ hai liên tiếp, cho thấy nhu cầu quốc tế suy yếu và là rủi ro giảm đối với dự báo xuất khẩu của chúng tôi.

Hình 24: Cán cân thương mại theo thị trường



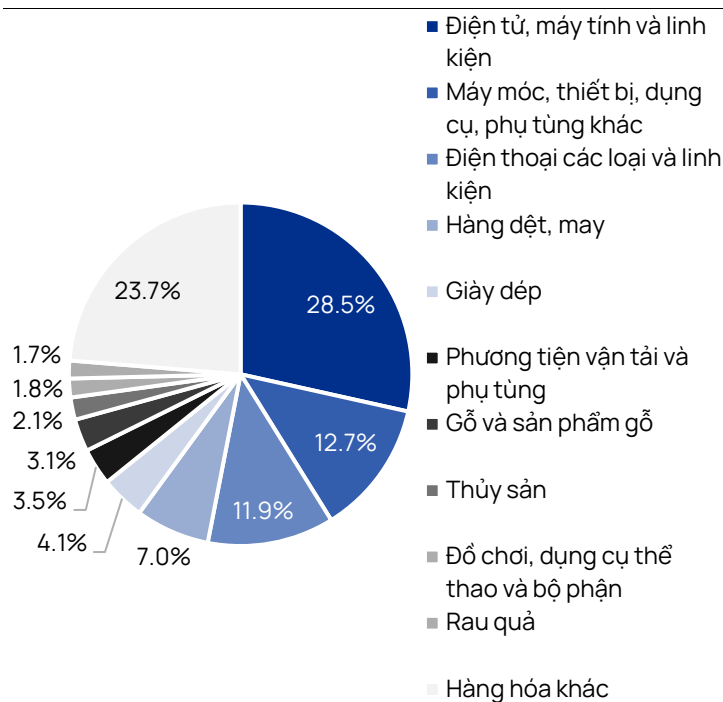
Hình 25: Cán cân thương mại theo một số mặt hàng



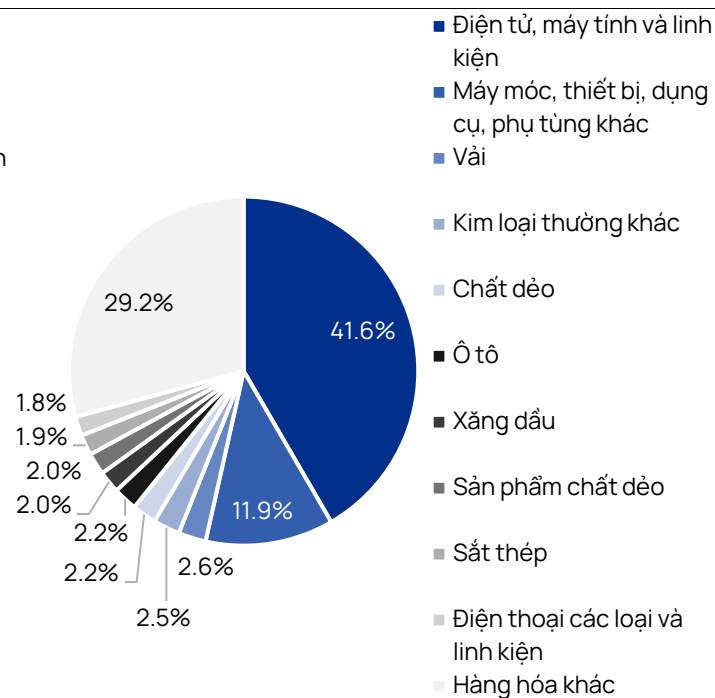
Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Hình 26: Các mặt hàng XK chính trong 9T 2026



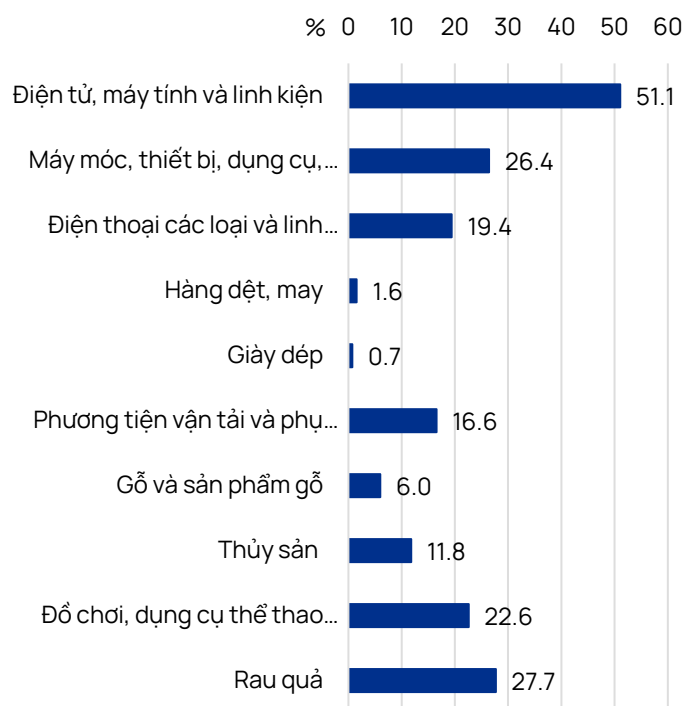
Hình 27: Các mặt hàng NK chính trong 9T 2026



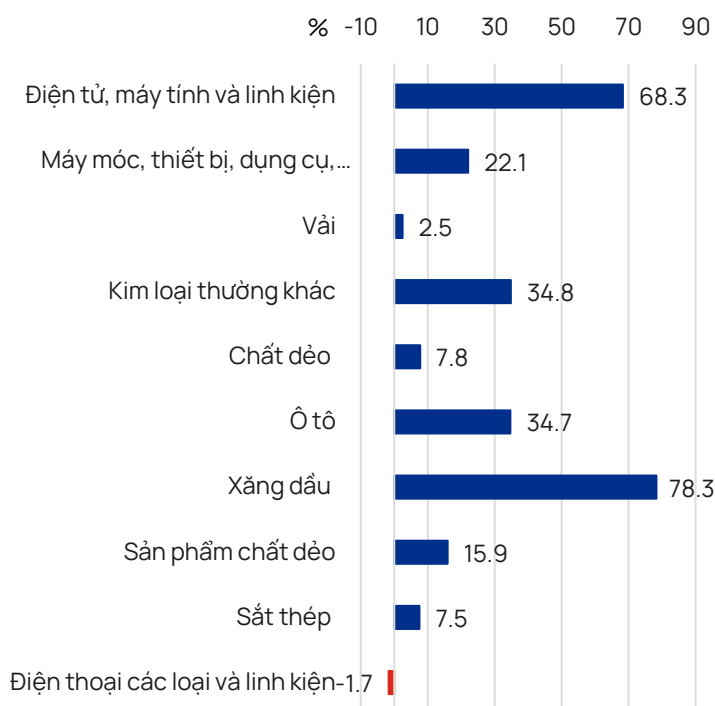
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 28: Các mặt hàng XK chính trong 9T 2026 (% YoY)



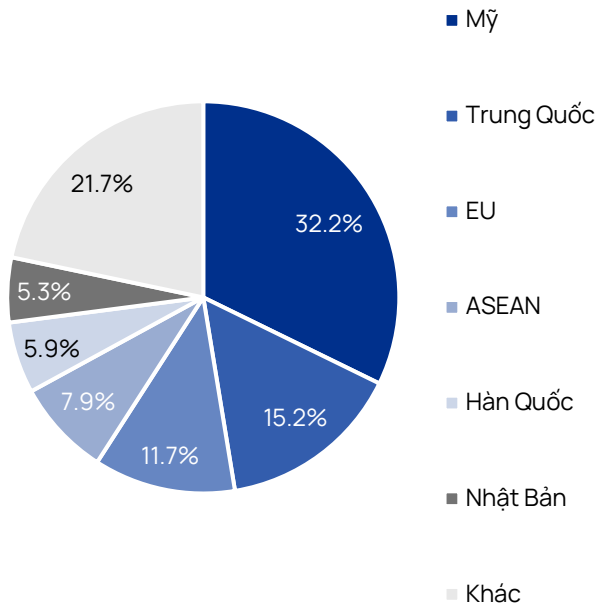
Hình 29: Các mặt hàng NK chính trong 9T 2026 (% YoY)



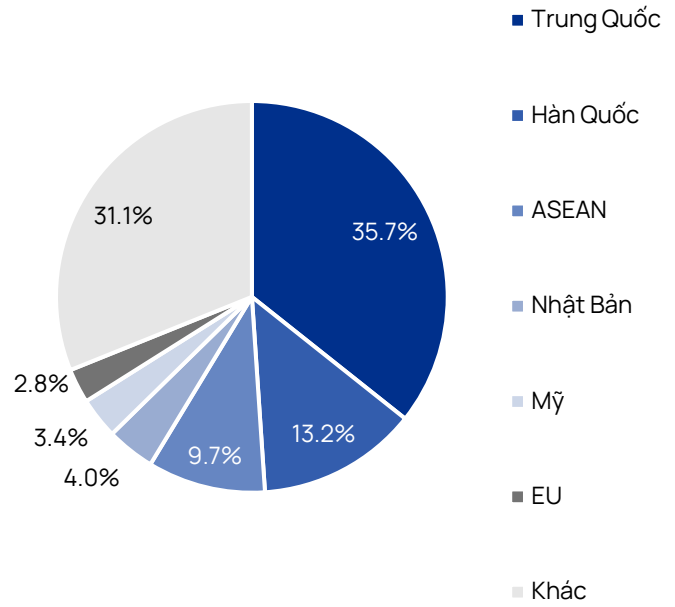
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 30: Các thị trường xuất khẩu chính trong 9T 2026



Hình 31: Các thị trường nhập khẩu chính trong 9T 2026



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Lạm phát

CPI tháng 9 chủ yếu được thúc đẩy bởi giá xăng dầu trong nước và học phí

Trong tháng 9, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,62% so với tháng trước và tăng 5,08% so với cùng kỳ, đưa CPI bình quân 9T 2026 lên 4,52%. Các yếu tố chính tác động đến CPI tháng 9 bao gồm:

- CPI nhóm giao thông tăng 3,97% so với tháng trước, khiến CPI chung tăng khoảng 0,4 điểm %, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước tăng 9,4% (khiến CPI chung tăng khoảng 0,3 điểm %).
- CPI nhóm giáo dục tăng 1,41%, khiến CPI chung tăng 0,08 điểm % do một số trường đại học, trung học và mầm non tư thục tăng học phí.

Triển vọng: Chúng tôi nâng dự báo CPI bình quân năm 2026 lên 4,7% do giá dầu tăng gần đây.

Trong bối cảnh giá dầu thế giới tăng gần đây, chúng tôi đã nâng dự báo giá dầu Brent năm 2026 lên 90 USD/thùng (xem thêm trong [Báo cáo ngành Năng lượng phát hành ngày 24/9/2026](#)). Tuy nhiên, lạm phát vẫn tương đối được kiểm soát tính đến tháng 9. Ngày 30/9, Chính phủ ban hành Nghị quyết 43/2026/NQ-CP, gia hạn giảm thuế đối với xăng, dầu và nguyên liệu đầu vào cho sản xuất xăng dầu và nhiên liệu bay đến hết ngày 31/12/2026. Ngoài ra, chúng tôi ước tính Quỹ Bình ổn giá xăng dầu còn khoảng 7,4 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 7/10. Các biện pháp giảm thuế, cùng với nguồn lực hiện có của Quỹ Bình ổn giá xăng dầu, sẽ giúp giảm bớt tác động truyền dẫn của giá dầu thế giới tăng lên giá nhiên liệu trong nước, qua đó kiểm chế áp lực lạm phát.

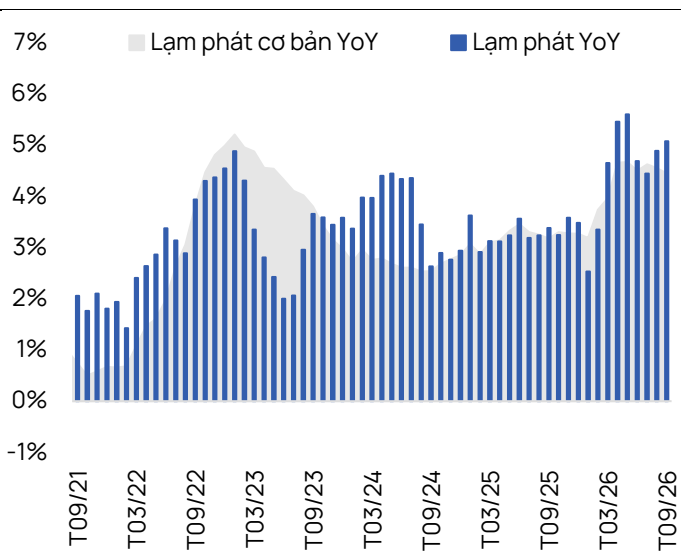
Trong tháng 10, chúng tôi kỳ vọng áp lực lạm phát đến từ một số yếu tố, bao gồm: (1) nhu cầu tăng cao vào dịp lễ cuối năm; (2) các cơ sở giáo dục tư thục có thể tiếp tục tăng học phí; và (3) giá xăng dầu trong nước có thể duy trì ở mức cao – giá xăng bình quân trong nước hiện tại của tháng 10 cao hơn 8,9% so với mức bình quân tháng 9 (nếu giá giữ nguyên trong phần còn lại của tháng), có thể làm CPI chung tăng khoảng 0,3 điểm %.

Hình 32: Lạm phát trong tháng 9/2026

	CPI MoM (T9/2026 so với T8/2026)	CPI YoY (T9/2026 so với T9/2025)	CPI YTD (T9/2026 so với T12/2025)	CPI bình quân (9T 2026 so với 9T 2025)
Lạm phát	0,62%	5,08%	4,20%	4,52%
Lạm phát cơ bản	0,11%	4,45%	N/A	4,26%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 33: CPI



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 34: CPI theo nhóm ngành

Nhóm hàng	Tỷ trọng	BQ 9T/25 YoY	BQ 9T/26 YoY
CPI chung	100%	3,27%	4,52%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	35,82%	3,30%	4,72%
Đồ uống và thuốc lá	1,75%	2,21%	3,74%
May mặc, mũ nón và giày dép	3,52%	1,26%	2,05%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	22,70%	6,14%	6,68%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	5,14%	1,63%	2,84%
Thuốc và dịch vụ y tế	4,66%	13,48%	1,12%
Giao thông	9,98%	-2,90%	6,06%
Bưu chính viễn thông	3,74%	-0,47%	0,12%
Giáo dục	5,97%	1,81%	3,35%
Văn hóa, giải trí và du lịch	3,14%	1,97%	2,78%
Hàng hóa và dịch vụ khác	3,58%	5,37%	4,61%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

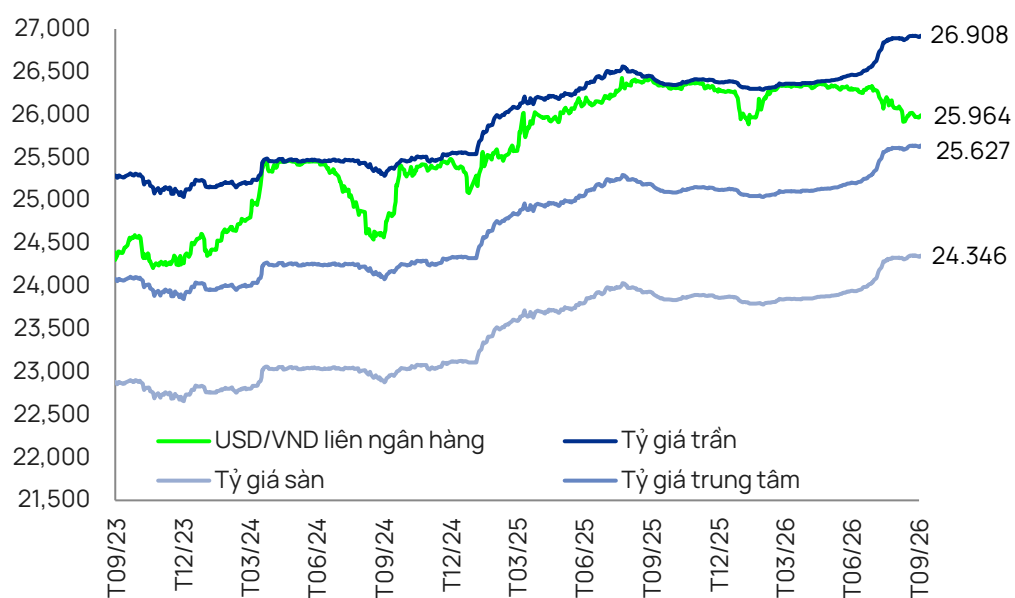
Tỷ giá

Tỷ giá USD/VND giảm trong tháng thứ ba liên tiếp

Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ trong tháng 9, dao động trong biên độ 25.918-26.098 và đóng cửa tháng ở mức 25.964 trên thị trường liên ngân hàng (tỷ giá USD/VND đã giảm 0,4% trong tháng 9 và giảm 1,3% so với đầu năm). Một số yếu tố hỗ trợ đồng VND trong tháng bao gồm: (1) áp lực trên thị trường ngoại tệ tự do hạ nhiệt, (2) giá vàng trong nước giảm (giá bán vàng SJC giảm 4,2%), (3) thặng dư thương mại trong tháng 9 và (4) dòng vốn FDI tiếp tục duy trì tích cực.

Triển vọng: Chúng tôi điều chỉnh dự báo tỷ giá USD/VND cuối năm 2026 không đổi so với cuối năm 2025, từ mức dự báo tăng 2% trước đây, so với dự báo tăng 2% trước đây, phản ánh đa phục hồi gần đây của đồng VND so với USD. Khả năng Fed tiếp tục tăng lãi suất trong tháng 12 cùng thâm hụt thương mại có thể tạo áp lực đối với đồng VND trong quý 4, một phần được bù đắp bởi dòng vốn FDI và kiều hối tích cực, cùng với áp lực trên thị trường ngoại tệ tự do và thị trường vàng trong nước hạ nhiệt.

Hình 35: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Các chỉ báo vĩ mô

CHỈ BÁO VĨ MÔ	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026F	ĐƠN VỊ	Nguồn số liệu
Tăng trưởng GDP (thực)	7,4	2,9	2,6	8,5	5,0	7,0	8,0	9,6	% YoY	Cục Thống kê
GDP danh nghĩa	334	347	366	409	430	476	514	590	Tỷ USD	NHTG
GDP đầu người	3.491	3.586	3.756	4.179	4.347	4.701	5.026	5.719	USD	NHTG
Tỷ lệ thất nghiệp	2,0	2,5	3,0	2,1	2,2	2,1	2,0	2,1	%	Cục Thống kê
Vốn FDI giải ngân	20,4	20,0	19,7	22,4	23,2	25,4	27,6	30,1	Tỷ USD	Bộ Tài chính
Giải ngân FDI (% GDP)	6,2	5,8	5,4	5,5	5,4	5,3	5,4	5,1	% GDP	Bộ Tài chính
Xuất khẩu (% GDP)	80,0	82,3	92,7	92,1	82,2	85,3	92,4	101,0	% GDP	Cục Hải quan, Cục Thống kê
Tăng trưởng xuất khẩu	8,4	6,9	18,9	10,6	-4,6	14,4	17,0	25,5	% YoY	Cục Hải quan, Cục Thống kê
Tăng trưởng nhập khẩu	7,0	3,7	26,7	8,0	-9,2	16,7	19,4	35,0	% YoY	Cục Hải quan, Cục Thống kê
Cán cân thương mại hàng hóa	10,9	19,9	3,3	12,1	28,4	24,9	20,1	-18,0	Tỷ USD	Cục Hải quan, Cục Thống kê
Dự trữ ngoại hối	78,0	94,4	107	86,0	93,0	81,2	80,0	85,0	Tỷ USD	NHNN, NHTG
Dự trữ ngoại hối (% GDP)	23,7	27,6	30,2	21,0	21,6	17,1	15,6	14,4	% GDP	NHNN
Lạm phát (bình quân)	2,8	3,2	1,8	3,2	3,3	3,6	3,3	4,7	% YoY	Cục Thống kê
VND tăng (trượt) giá so với USD	0,0	0,3	1,2	-3,4	-2,8	-4,8	-3,1	0,0	%	Bloomberg
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng)	5,0	4,0	4,0	6,0	4,75	4,75	4,75	4,75	%	NHNN
Tăng trưởng tín dụng	13,6	12,2	13,6	14,2	13,5	15,1	19,0	15,3	% YoY	NHNN
Thâm hụt ngân sách (không tính hoàn trả nợ gốc)	-2,1	-2,7	-2,5	-4,3	-4,0	-3,1	-3,6	-4,2	% GDP	Bộ Tài chính
Nợ công	43,1	43,7	43,1	38,0	36,6	36-37	35-36	36-37	% GDP	Bộ Tài chính, NHTG

Ghi chú: Vietcap là nguồn cho tất cả các dự báo – ngoại trừ thâm hụt ngân sách và nợ công được trích nguồn từ Bộ Tài chính.

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Chúng tôi, Đào Minh Quang & Hoàng Thủy Lương, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyên Cẩm Giang

Trưởng phòng cao cấp, ext 125

- Bùi Xuân Vinh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

- Nguyễn Thị Thùy Dương, Chuyên viên, ext 132

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.